

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-PT

Ngày: 08/4/2022

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán

: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa:
nhân dân tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thị Mộng Linh, Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLPT-DS ngày 14/02/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án số 158/2021/DSST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐ-PT ngày 16/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐ-PT ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: hẻm 108 Cộng Hòa, phường 4, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N:* bà Huỳnh Ngọc H, Luật sư Văn phòng Luật sư Huỳnh Ngọc H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: ông Võ Ngọc T1, sinh năm 1960; địa chỉ: đường Thi Sách, khóm 6, phường L, thành phố L1, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Võ Phương T2, sinh năm 1985; cư trú: ấp B, xã C, huyện S, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.2 Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1974; cư trú: ấp 3, xã T3, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Chung cư P, phường 2, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người kháng cáo: bà Lê Thị N, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với nội dung: Ngày 21/5/2019, ông Võ Ngọc T1 có vay bà Lê Thị N số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng). Bà chuyển tiền vào tài khoản của ông T1 tại Ngân hàng ACB. Thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, có giấy vay tiền kèm theo. Đến nay, bảy tháng ông T1 chưa trả tiền gốc chỉ mới trả lãi đến ngày 25/11/2019.

- Ngày 21/9/2019, ông Võ Ngọc T1 có vay bà số tiền 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà chuyển vào tài khoản của ông T1 tại Ngân hàng ACB. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, có giấy vay tiền kèm theo. Đến nay, ba tháng ông T1 vẫn chưa trả tiền gốc chỉ mới trả tiền lãi đến ngày 21/11/2019.

- Ngày 26/8/2019, ông Võ Phương T2 có nhờ ông Võ Ngọc T1 vay của bà số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), để mua máy quần rơm ở quê và yêu cầu bà chuyển tiền vào tài khoản của ông Võ Phương T2 tại Ngân hàng Sacombank, phòng giao dịch Thoại Sơn, An Giang. Thời hạn vay 02 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, có giấy vay tiền kèm theo. Đến nay, đã bốn tháng ông T1 chưa trả vốn chỉ trả lãi đến ngày 26/11/2019.

Nay, bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông Võ Ngọc T1 trả cho bà N số tiền vốn vay 02 đợt là 800.000.000 đồng.

2/ Buộc ông Võ Ngọc T1 phải trả cho bà N số tiền lãi từ ngày 21/11/2019 đến khi Hội đồng xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,5%/tháng. Lãi suất tạm tính đến khi khởi kiện, tổng số tiền lãi của hai đợt vay là 12.000.000đồng. Cụ thể:

- Đợt vay ngày 21/5/2019: 300.000.000đồng tính lãi từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/12/2019 là 4.500.000đồng;

- Đợt vay ngày 21/9/2019: 500.000.000đồng tính lãi từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/12/2019 là 7.500.000đồng;

Tổng cộng vốn và lãi ông Võ Ngọc T1 phải trả cho bà N là 812.000.000 đồng.

3/ Buộc ông Võ Phương T2 liên đới với ông Võ Ngọc T1 phải trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng.

4/ Buộc ông Võ Phương T2 liên đới với ông Võ Ngọc T1 trả số tiền lãi từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/12/2019 là 3.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông T2 và ông T1 liên đới trả cho bà N là 203.000.000 đồng.

Bà N yêu cầu trả một lần trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật và đồng thời bà N có đơn ngày 12/7/2021 yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Phần trình bày của ông Võ Ngọc T1 thể hiện nội dung:*

- Ông xác định bà Lê Thị N có chuyển khoản cho ông vay số tiền 300.000.000 đồng và số tiền 500.000.000 đồng. Lãi suất 02 tháng đầu là 15%, sau này thì bớt xuống cụ thể bao nhiêu thì ông không biết. Tuy nhiên, số tiền này thực tế ông chỉ đứng ra nhận tiền từ ngân hàng về dùm cho bà Nguyễn Thị Thu H1. Việc đóng lãi có khi là ông đóng, khi nào ông không rảnh thì bà H1 đóng lãi. Nay, bà N khởi kiện, do ông tin tưởng bà H1, cộng với trình độ học vấn thấp nên ông nhận thì ông chịu trách nhiệm trả. Tuy nhiên, hiện nay ông không có khả năng trả cho bà N. Việc vay tiền này là chủ yếu giữa bà H1 với bà N, ông chỉ là bị hại trong vụ việc này số tiền thực tế ông lấy về đã giao hết cho bà H1, ông không có sử dụng.

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bà N đòi cháu của ông là ông Võ Phương T2 thì ông hoàn toàn không biết số tiền này, ông không có đứng ra bảo lãnh cho ông T2 vay tiền và ông cũng không đồng ý chịu trách nhiệm. Ông T1 xác định ông không có ký giấy vay tiền vào ngày 21/10/2019 như trình bày của bà N, ông cũng có yêu cầu giám định đối với chữ ký tại giấy vay tiền và có kết quả không phải ông ký.

** Phần trình bày của ông Võ Phương T2 thể hiện nội dung:*

- Ông là cháu của ông Võ Ngọc T1, ông gọi ông T1 là bác Năm, còn bà Nguyễn Thị Thu H1 là bạn của bác Năm. Bà H1 đến nhà chơi, nghỉ ngơi vì đi công chuyện ở An Giang.

- Vào tháng 8, ông không nhớ ngày, bà Nguyễn Thị Thu H1 có nhờ bác Năm hỏi mượn ông số tiền 200.000.000đồng vì có công việc gấp bà H1 lo không kịp, bà

H1 nhờ ông giúp và hứa vài bữa trả lại cho ông. Vì, chỗ quen biết với bác Năm nên ông đi Vĩnh Khánh hỏi mượn cháu Phi ở cây xăng xã Vĩnh Khánh số tiền 200.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3368 của bà Nguyễn Thị Thu H1.

- Khoảng một tháng ông chưa thấy bà Nguyễn Thị Thu H1 gửi trả nên ông liên hệ bà Nguyễn Thị Thu H1 thì bà H1 điện thoại yêu cầu ông gửi số tài khoản của ông cho bà H1, đến 05 giờ chiều thì ông nhận được 200.000.000 đồng, tên người gửi là Lê Thị N. Nội dung chuyển trả Võ Ngọc T1. Sau khi nhận được tiền thì ông có điện thoại cho bà H1 hay là ông đã nhận đủ 200.000.000 đồng. Vì sự quen biết với bác Năm, bà Nguyễn Thị Thu H1 và bà Lê Thị N có đến gia đình chơi, ông không quen biết gì bà Lê Thị N và cũng không trò chuyện mượn tiền của bà N.

Tại Bản án số 158/2021/DSST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với ông Võ Ngọc T1:

Buộc ông Võ Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N số tiền là 1.080.800.000 đồng. Trong đó: tiền vốn vay 800.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 21/5/2019 và Ủy nhiệm chi ngày 23/9/2019 tại Ngân hàng ACB do bà Lê Thị N chuyển khoản cho ông Võ Ngọc T1 và tiền lãi tính đến ngày 02/11/2021 là 280.800.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N buộc ông Võ Phương T2 liên đới cùng với ông Võ Ngọc T1 trả số tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/12/2019, tổng cộng số tiền là 203.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí, việc thi hành án, chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/11/2021, bà Lê Thị N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, kháng cáo đối với phần bản án không chấp nhận buộc ông Võ Ngọc T1 liên đới với anh Võ Phương T2 trả tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/12/2019 với số tiền 203.000.000 đồng; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang buộc anh Võ Phương T2 phải trả một lần tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/11/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm với lãi suất 1,5%/tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với ông T1 về phần tiền nợ 800.000.000 đồng; đối với khoản tiền 200.000.000 đồng, bà Lê Thị N xác định kháng cáo yêu cầu anh Võ Phương T2 trả lại khoản tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Ông Võ Ngọc T1 xác định không vay tiền của bà Lê Thị N mà việc vay là do bà H1 vay, khi bà N chuyển tiền vào tài khoản của ông thì ông đã rút và giao lại toàn bộ cho bà H1 nhưng do bà N đã chuyển tiền vào tài khoản của ông và ông đã rút toàn bộ số tiền nên ông đồng ý chịu trách nhiệm và không kháng cáo, đồng ý với bản án sơ thẩm; đối với số tiền bà N chuyển vào tài khoản của anh Võ Phương T2, ông xác định không vay hộ cho anh T2 và không yêu cầu bà N chuyển trả tiền nợ hộ ông cho anh T2.

Anh Võ Phương T2 cho rằng vì anh có cho bà Nguyễn Thị Thu H1 vay 200.000.000 đồng và quá hạn nhưng không thấy bà H1 trả tiền nên anh có điện thoại yêu cầu bà H1 trả tiền và bà H1 có yêu cầu anh cho số tài khoản để chuyển trả, anh cho số tài khoản và đến chiều thì anh nhận được tin báo 200.000.000 đồng đã được chuyển đến tài khoản của anh, anh có điện thoại báo bà H1 đã nhận được tiền; anh xác định đây là số tiền bà H1 chuyển trả nên anh không đồng ý theo yêu cầu của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: số tiền 199.999.978 đồng bà Lê Thị N chuyển vào tài khoản của ông Võ Phương T2 tại Ngân hàng Sacombank, phòng giao dịch Thoại Sơn, An Giang có nội dung, ngày 26/8/2019, LE THI NHAM NOP TM TK CT TRA HO ANH NGOC (TRAI) với số tiền 199.999.978 đồng, bà N trình bày ông T2 nhờ ông T1 vay dùm tiền để mua máy quán rom ở quê và tại các giấy ủy nhiệm chi thể hiện việc bà N chuyển tiền thì được ghi thành giấy vay tiền ngày 21/10/2019. Ông T2 xác định ông không hề vay tiền của bà N, đối với số tiền bà N chuyển vào tài khoản của ông T2 thực ra trước đây ông T2 chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Thu H1 là bạn của ông T1 mượn nhưng chưa thấy bà H1 chuyển trả nên ông có điện thoại thì được bà H1 kêu đưa số tài khoản tại Ngân hàng. Sau đó, ông T2 có nhận được số tiền từ tài khoản của Ngân hàng Sacombank ngày 26/8/2019, do bà Lê Thị N nộp chuyển cho ông Võ Phương T2 số tiền 199.999.978 đồng. Ông T2 xác định giữa ông T2 với bà N từ trước đến nay không có quen biết hay giao dịch cũng như thỏa thuận vay tiền nên ông không đồng ý với yêu cầu của bà N.

Đồng thời, ông T2 cung cấp một giấy nộp tiền ngày 27/6/2019 do ông Võ Phương T2 chuyển cho người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 200.000.000 đồng. Còn ông T1 xác định đối với số tiền cháu ông Võ Phương T2 vay dùm là không có và theo giấy vay tiền ngày 21/10/2019 ông không có ký tên đối với khoản nợ có liên quan đến số tiền 200.000.000 đồng nên ông T1 yêu cầu

giám định chữ ký và chữ viết của ông T1. Kết luận giám định đã xác định không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Võ Ngọc T1 trên tài liệu cần giám định và mẫu so sánh có cùng một người ký ra hay không; chữ viết Võ Ngọc T1 trên mẫu cần giám định và mẫu so sánh không cùng một người viết ra.

Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N buộc ông T1 và ông T2 liên đới trả số tiền vay và lãi tạm tính từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/12/2019 số tiền 203.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N rút lại một phần kháng cáo không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 200.000.000 đồng và không yêu cầu ông T1 cùng có trách nhiệm liên đới với ông T2 trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà N.

Bà Lê Thị N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Bà Lê Thị N là người cao tuổi nên đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: bà Lê Thị N kháng cáo và bà thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định nên kháng cáo của bà là hợp lệ và được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: tại phiên tòa, bà Lê Thị N rút lại yêu cầu buộc ông Võ Ngọc T1 liên đới với anh Võ Phương T2 trả số tiền 200.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 200.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của anh Võ Phương T2. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự và không xem xét đến.

[3] Về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh Võ Phương T2 cho rằng số tiền 200.000.000 đồng do bà Lê Thị N chuyển đến tài khoản của anh là số tiền do bà Nguyễn Thị Thu H1 chuyển trả do trước đó anh có cho bà H1 vay 200.000.000 đồng nhưng bà N không thống nhất với trình bày này của anh T2 và anh T2 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà N chuyển tiền đến tài khoản của anh là do bà H1 yêu cầu bà N nhằm trả khoản nợ mà bà H1 đã vay của anh trước đó; đồng thời, bà N cho rằng bà chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của anh Võ Phương T2 là do anh Võ Phương T2 nhờ ông Võ Ngọc T1 vay hộ để mua máy quán rơm nhưng bà không

cung cấp được chứng cứ để chứng minh giữa bà với anh T2 có thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau; bên cạnh đó, anh T2 còn xác nhận anh không nhờ ông Võ Ngọc T1 vay tiền của bà N giùm anh và ông Võ Ngọc T1 cũng xác nhận không vay hộ cho anh Võ Phương T2 số tiền 200.000.000 đồng từ bà Lê Thị N.

Từ những trình bày, thừa nhận của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: anh Võ Phương T2 cho rằng chiều ngày 26/8/2019, anh nhận được số tiền 200.000.000 đồng (số tiền thực tế báo có 199.934.000 đồng) là do bà Nguyễn Thị Thu H1 chuyển trả, nhưng lời trình bày này của anh T2 là không thể chấp nhận vì chính anh cũng xác nhận: anh nhận tin nhắn thông báo qua điện thoại, thông báo số tiền 199.934.000 đồng được chuyển đến tài khoản của anh có nội dung “LE THI NHAM NOP TM TK CT TRA HO ANH NGOC (TRAI)”; có chăng là bà Lê Thị N chuyển số tiền trên đến tài khoản của anh T2 là để hoàn trả tiền nợ của ông Võ Ngọc T1 đối với anh T2 nhưng tại phiên tòa, cả anh T2 và ông T1 đều xác nhận không có việc vay mượn tài sản với nhau và ông T1 không nhờ bà N trả cho anh T2 bất cứ khoản tiền nào.

Các sự việc trên đã cho thấy: vì một nhầm lẫn nào đó mà vào ngày 26/9/2019, bà N đã chuyển 200.000.000 đồng đến tài khoản của anh Võ Phương T2 và từ thời điểm này, anh T2 đã chiếm hữu số tiền trên.

Về vấn đề chiếm hữu, sử dụng tài sản được Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau: khoản 1 Điều 179 đưa ra khái niệm “Chiếm hữu là việc chủ thể nắm giữ, chi phối tài sản một cách trực tiếp hoặc gián tiếp như chủ thể có quyền đối với tài sản”. Đối chiếu với trường hợp của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: kể từ ngày 26/9/2019, anh Võ Phương T2 đã chiếm hữu số tiền do bà Lê Thị N chuyển đến nhưng do anh T2 chiếm hữu số tiền trên không có căn cứ pháp luật (được quy định tại Điều 165 Bộ luật dân sự năm 2015) nên Hội đồng xét xử xác định anh Võ Phương T2 đã được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật và vì thế, anh Võ Phương T2 phải hoàn trả lại số tiền 199.934.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét đến và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị

[5] Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, sửa bản án sơ thẩm, buộc anh Võ Phương T2 phải hoàn trả số tiền được lợi không có căn cứ pháp luật nên anh Võ Phương T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm được tính trên số tiền phải hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 165, 179, 463, 466, 468 và 579 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N.

Sửa Bản án sơ thẩm số 158/2021/DSST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

1.1. Buộc ông Võ Ngọc T1 trả cho bà Lê Thị N số tiền 1.080.800.000 đồng; trong đó: tiền vốn vay 800.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 02/11/2021 là 280.800.000 đồng.

1.2. Buộc anh Võ Phương T2 trả cho bà Lê Thị N số tiền 199.934.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí giám định: ông Võ Ngọc T1 phải chịu 4.050.000 đồng chi phí giám định (ông T1 đã nộp xong).

4. Về án phí:

4.1. Ông Võ Ngọc T1, bà Lê Thị N được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự.

4.2. Anh Võ Phương T2 phải nộp 9.996.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các phần khác của Bản án sơ thẩm 158/2021/DSST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Trần Thị Thúy Hà

Cao Minh Lễ

Nguyễn Phước Hưng